

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **134/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 14/5/2021.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

NHAÂN DANH

NÖÖÙC CÖÖNG HÖÖA XÃ HÖÖI CHÜ NGHĨA VIỆT NAM

TOØA AÙN NHAÂN DANH THAØNH PHÖÁ BIEÂN HOØA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2389/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2021/QĐST-HNGĐ ngày 2/4/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Y4C, tổ 5, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đại D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 25/50B, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà A, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đại D tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2013, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách nuôi dạy con cái, dẫn đến thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau.

Về con chung: có 03 cháu Nguyễn Ngọc Huyền M, sinh ngày 27/3/2015; Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 15/9/2016 và Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 19/8/2019.

Từ khi sống ly thân cháu L ở với bà; còn cháu M và cháu T thì sống cùng với ông D. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L. Bà giao cháu M và cháu T cho ông D nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

**** Bị đơn ông Nguyễn Đại D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Dương.***

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà A, ông D không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà A yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 19/8/2019 cho bà A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Ngọc Huyền M, sinh ngày 27/3/2015 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 15/9/2016 cho ông D trực tiếp chăm

sóc nuôi dưỡng. Tạm thời, bà A, ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông D nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân *gia* đình sơ thẩm: Bà A *phải* nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà A xin ly hôn với ông D có địa chỉ cư trú tại: 25/50B, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] *Về thuê tuối toá tuing*: Bà A có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt *neân toạ àùn tieán haønh* xét xử vắng mặt bà A, ông D theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A, ông D kết hôn với nhau vào năm 2013, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 207 ngày 08/10/2013 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà A trình bày: Sau khi xây dựng gia đình với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách nuôi dạy con cái, dẫn đến thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông D đến Tòa làm việc nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông D không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà A. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú thì địa phương cho biết vợ chồng ông D, bà A đã không còn sống chung với nhau khoảng hơn một năm nay.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông D, bà A là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận

yêu cầu ly hôn của bà A, giải quyết cho bà A được ly hôn với ông D để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: có 03 cháu Nguyễn Ngọc Huyền M, sinh ngày 27/3/2015; Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 15/9/2016 và Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 19/8/2019. Ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L. Bà giao cháu M và cháu T cho ông D nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, ông D không đến Tòa làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của ông D. Theo lời trình bày của bà A và qua xác minh tại địa phương cho biết, từ khi ông bà sống ly thân, cháu M và cháu T ở cùng với ông D; cháu L ở cùng với bà A. Đồng thời, cháu L còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ và các cháu đã có cuộc sống ổn định. Do đó, giao cháu M và cháu T cho ông D nuôi dưỡng; giao cháu L cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp và tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông D nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Caên cõu vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Aùp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị Vân A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vân A được ly hôn với ông Nguyễn Đại D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 19/8/2019 cho bà Nguyễn Thị Vân A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Ngọc

Huyền M, sinh ngày 27/3/2015 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 15/9/2016 cho ông Nguyễn Đại D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời, bà A, ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung nên ông D, bà A được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 0007281 ngày 05/11/2020.

5. Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Nguyễn Đại D vắng mặt tại phiên tòa nên quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ;
- UBND P. T, TP. B.
- Lưu VP.

T.M HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ
THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên
tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nôi nhaän:

XEÙT XÖÛ SÔ THAÂM

- Toaø aùn tænh

phaùn – Chuû toïa phieân toøa

- VKS TP Bieân Hoa

T.M HOÄI ÑOÀNG

Thaâm

- Càùc ñõông sõi
- Thi haønh àùn
- Lòu hoà sô
- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa
- Lòu VP

Thị Mỹ Hạnh

Trần